



## PHỤ LỤC 4

### BẢNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG VĂN BẢN CỦA HỘI

| STT | Tên loại văn bản     | Chữ viết tắt |
|-----|----------------------|--------------|
| 1   | Nghị quyết (cá biệt) | NQ           |
| 2   | Quyết định (cá biệt) | QĐ           |
| 3   | Chỉ thị              | CT           |
| 4   | Quy chế              | QC           |
| 5   | Quy định             | QĐ           |
| 6   | Thông cáo            | TC           |
| 7   | Thông báo            | TB           |
| 8   | Hướng dẫn            | HD           |
| 9   | Chương trình         | CTr          |
| 10  | Kế hoạch             | KH           |
| 11  | Phương án            | PA           |
| 12  | Đề án                | ĐA           |
| 13  | Dự án                | DA           |
| 14  | Báo cáo              | BC           |
| 15  | Biên bản             | BB           |
| 16  | Tờ trình             | TTr          |
| 17  | Hợp đồng             | HĐ           |
| 18  | Công điện            | CĐ           |
| 19  | Bản ghi nhớ          | BGN          |
| 20  | Bản thỏa thuận       | BTT          |
| 21  | Giấy ủy quyền        | GUQ          |
| 22  | Giấy mời             | GM           |
| 23  | Giấy giới thiệu      | GGT          |
| 24  | Giấy nghỉ phép       | GNP          |
| 25  | Phiếu gửi            | PG           |
| 26  | Phiếu chuyển         | PC           |

|     |                                                                                    |     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 27  | Phiếu báo                                                                          | PB  |
| 28  | Kết luận                                                                           | KL  |
| 29  | Ký hiệu tên một số cơ quan ban hành văn bản                                        |     |
| (1) | Đại hội, Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký, Ban thẩm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu | ĐH  |
| (2) | Đảng uỷ khối                                                                       | ĐUK |
| (3) | Đảng đoàn                                                                          | ĐĐ  |
| (4) | Hội Nông dân                                                                       | HND |
| (5) | Ban chỉ đạo                                                                        | BCĐ |
| (6) | Các đảng uỷ khác                                                                   | ĐU  |
| 30  | Bản sao văn bản                                                                    |     |
| (1) | Bản sao y                                                                          | SY  |
| (2) | Bản trích sao                                                                      | TrS |
| (3) | Bản sao lục                                                                        | SL  |